

Bản án số: 02/2018/HS-ST
Ngày 09-02-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGÂN SƠN, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thế Doanh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đồng Phúc Nghiên

Ông Lý Văn Trường

- Thư ký phiên toà: Bà La Quỳnh Anh - Thư ký Toà án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn tham gia phiên toà: Bà Tô Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 09/02/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 29/2017/TLST-HS ngày 29/12/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXXST-HS ngày 29/01/2018 đối với bị cáo:

Nông Tiến Q (tên gọi khác: không) - Sinh ngày 01 tháng 02 năm 1977 tại huyện T, tỉnh Cao Bằng; nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: Mù chữ; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn S và bà Lục Thị N; có vợ là Bàn Thị U và có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 15/02/2017 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản (Quyết định số 08/QĐ-XPHC); nhân thân: Ngày 12/01/2017 bị Công an huyện N xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; ngày 15/02/2017 bị Chủ tịch UBND xã T xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, ngày 17/02/2017 bị Công an xã V xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc; bị cáo được tại ngoại tại địa phương - Có mặt.

- Bị hại: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại và xây dựng T, địa chỉ: Khu đô thị B, xã S, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Phạm Văn Th - Trú tại: Thôn T, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (theo Giấy ủy quyền số 26/UQ ngày 26/9/2017) - Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Trương Văn T, trú tại: Thôn B, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn - Có mặt.

- Người làm chứng:
+ Nông Văn H - Trú tại: Thôn B, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn - Vắng mặt.
+ Triệu Xuân M - Trú tại: Thôn B, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn - Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 04 đến 05 giờ ngày 04/8/2017, Nông Tiến Q (sinh năm 1977; trú tại: Thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn) đi bộ từ nhà đến bãi tập kết vật liệu xây dựng của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại và xây dựng T (Công ty T) đang thi công đường Hồ Chí Minh tại đoạn cầu thuộc khu vực N, thôn B, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Q lấy trộm được 05 (năm) thanh sắt vằn phi 12 hiệu TISCO CB400, mỗi thanh dài 11,7m. Sau khi lấy trộm được các thanh sắt, Q kéo các thanh sắt theo đường mòn dân sinh đến nhà Trương Văn T tại thôn B, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn và bán cho T với giá 100.000đ/thanh, được số tiền 500.000đ.

Trước đó, vào cuối tháng 7 năm 2017, Q đã hai lần vào bãi tập kết vật liệu xây dựng của Công ty T lấy trộm sắt. Mỗi lần Q lấy trộm được 04 thanh sắt vằn phi 12, dài 11,7m và bán cho T với giá 100.000đ/thanh được số tiền 800.000đ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 16/BB-HĐĐG ngày 11/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện N kết luận: “Tổng giá trị của 13 thanh sắt loại thép vằn phi 12, nhãn hiệu TISCO CB400, mỗi thanh dài 11,7m tại thời điểm xảy ra vụ việc là 1.822.000đ (*một triệu tám trăm hai mươi hai nghìn đồng*)”

Tại bản cáo trạng số 02/KSĐT-TA ngày 29/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn quyết định truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn để xét xử đối với bị cáo Nông Tiến Q về tội "Trộm cắp tài sản" theo Khoản 1, Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) có nội dung:

"1- Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm".

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản"; áp dụng Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999

(sửa đổi, bổ sung năm 2009), Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù; truy thu số tiền do phạm tội mà có; bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt. Tuy nhiên, bị cáo chỉ thừa nhận ngày 04/8/2017 được lấy trộm 04 thanh sắt phi 12 dài 11,7m và một thanh sắt dài khoảng 1,5m và bán cho T được số tiền 400.000đ. Tổng số tiền do bán sắt cho T có được là 1.200.000đ. Còn Trương Văn T khai nhận chỉ được mua của Q 12 thanh sắt phi 12 dài 11.7m với giá 100.000đ/thanh. Còn thanh sắt dài 1,5m thì do Q lấy cho.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ngân Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ để khẳng định: Trong khoảng thời gian cuối tháng 7 năm 2017 và vào ngày 04/8/2017, Nông Tiến Q đã ba lần lén lút vào bãi tập kết của Công ty T tại khu vực N, thôn B, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn lấy trộm được 12 thanh sắt vằn phi 12, hiệu TISCO CB400, mỗi thanh dài 11,7m và một thanh sắt phi 12 dài 1,5m rồi kéo đến nhà Trương Văn T bán được 1.200.000đ (*một triệu hai trăm nghìn đồng*). Tuy giá trị tài sản trộm cắp được dưới hai triệu đồng nhưng vào ngày 15/02/2017, bị cáo đã bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình gây ra.

Hành vi của bị cáo được thực hiện khi bị cáo đã có đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, gây tâm lý hoang mang cho quần chúng nhân dân. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là đúng người, đúng tội.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo thấy: Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị xử lý hành

chính về các hành vi trộm cắp tài sản, sử dụng trái phép chất ma túy, đánh bạc. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi mà các bị cáo gây ra đối với xã hội, xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy cần phải áp dụng một hình phạt nghiêm khắc là buộc đi cải tạo tập trung mới đảm bảo tính giáo dục cho bị cáo và tính răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

Đối với việc áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, xét thấy bị cáo thuộc diện hộ nghèo nên Hội đồng xét xử không áp dụng.

Trong vụ án có Trương Văn T là người đã hứa hẹn trước với Q là nếu Q đi trộm cắp sắt thì bán cho T và T đã ba lần mua sắt của Q trộm cắp được với tổng số lượng 12 thanh sắt phi 12 dài 11,7m. Tuy nhiên, giá trị tài sản trộm cắp được dưới hai triệu đồng và T không có tiền án, tiền sự về hành vi chiếm đoạt tài sản nên hành vi của T không đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Công an huyện N xử phạt hành chính đối với T là đúng pháp luật.

Đối với hành vi trộm cắp Lâm Văn M và Nông Văn H xét thấy không có liên quan đến hành vi của bị cáo nên Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục làm rõ, xử lý riêng.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và trong đơn xin xét xử vắng mặt, đại diện hợp pháp của bị hại không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về vật chứng của vụ án: Toàn bộ số sắt mà bị cáo trộm cắp được đã trả lại cho bị hại.

Số tiền 1.200.000đ (*một triệu hai trăm nghìn đồng*) do bị cáo bán sắt cho Tuyên mà có đã tiêu sài cá nhân hết. Đây là tiền do phạm tội mà có nên cần buộc bị cáo nộp lại để nộp ngân sách Nhà nước.

[6] Về án phí: Bị cáo Nông Tiến Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố: Bị cáo **Nông Tiến Q** phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Nông Tiến Q 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

- Về vật chứng, biện pháp tư pháp:

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo Nông Tiến Q phải nộp lại số tiền do phạm tội mà có là 1.200.000đ (*một triệu hai trăm nghìn đồng*) để nộp ngân sách Nhà nước.

Về nghĩa vụ chậm nộp tiền: *Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

- Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14: Bị cáo Nông Tiến Q phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Ngân Sơn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Công an huyện Ngân Sơn;
- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Chi cục THADS huyện Ngân Sơn;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thế Doanh